

Số: 103 /BC-UBND

Quảng Phú, ngày 06 tháng 9 năm 2021

**BÁO CÁO**  
**Công tác cải cách hành chính Quý III năm 2021**

Thực hiện Nghị quyết của Đảng ủy, HĐND xã và chương trình công tác năm 2021; Kế hoạch số 156/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện Quảng Điền về triển khai công tác cải cách hành chính năm 2021, Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 22/12/2020 về triển khai công tác cải cách hành chính năm 2021 của xã. UBND xã Quảng Phú báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính Quý III năm 2021 như sau:

**I. Tình hình tổ chức thực hiện và công tác kiểm tra, tuyên truyền cải cách hành chính**

**1. Công tác xây dựng và ban hành Kế hoạch cải cách hành chính**

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của cấp trên về công tác cải cách hành chính, UBND xã đã xây dựng và ban hành Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 22/12/2020 về triển khai công tác cải cách hành chính năm 2021; Trong đó xác định các nội dung CCHC cần tập trung chỉ đạo thực hiện với các nhiệm vụ cụ thể của tháng, quý và phân công trách nhiệm cho từng cán bộ công chức thực hiện các nội dung của công tác cải cách hành chính. Được sự chỉ đạo sâu sát của UBND huyện, Đảng ủy xã, nhìn chung việc triển khai thực hiện khá nghiêm túc và hoàn thành cơ bản đã đề ra trong 6 tháng đầu năm 2021.

**2. Tổ chức chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính**

Trên cơ sở Kế hoạch CCHC của xã năm 2020, UBND xã đã chỉ đạo, cán bộ, công chức xã, đặc biệt là “ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả” đẩy mạnh công tác cải cách hành chính.

UBND xã đã ban hành đầy đủ các văn bản để chỉ đạo, điều hành liên quan công tác CCHC, các văn bản về Triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 vào hoạt động của UBND xã và các văn bản có liên quan khác.

Để đảm bảo tốt công tác giải quyết các hồ sơ, thủ tục hành chính hướng tới sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi đến thực hiện giao dịch thủ tục hành chính tại cơ quan, UBND xã đã ban hành công văn số: 90/UBND ngày 06/9/2021 về việc chấn chỉnh công tác tiếp nhận hướng dẫn giải quyết các hồ sơ, thủ tục hành chính. Ngoài ra, UBND xã đã ban hành Quyết định số 636/QĐ-UBND về việc thành lập đoàn kiểm tra thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn xã năm 2021.

**3. Về kiểm tra công tác cải cách hành chính**

Nhằm nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của công chức trong tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính, việc thực hiện các quy định giải quyết thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, ISO của các công chức,

thái độ phục vụ nhân dân, góp phần tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý hành chính nhà nước, UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 22/01/2021 của UBND xã Quảng Phú kiểm tra thực hiện nhiệm vụ của cán bộ công chức năm 2021. Ngoài ra, UBND xã thường xuyên nhắc nhở các cán bộ công chức thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy định của cơ quan.

#### **4. Công tác tuyên truyền Cải cách hành chính**

Nhằm nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm của cán bộ công chức xã, tiếp tục xây dựng hình ảnh đội ngũ cán bộ, công chức tận tụy, chuyên nghiệp, tạo sự hài lòng của người dân, tổ chức và doanh nghiệp, UBND xã đã ban hành và triển khai Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 13/01/2021 về Tuyên truyền công tác cải cách hành chính trên địa bàn xã năm 2021.

Ủy ban nhân dân xã tiếp tục cập nhật kịp thời, đồng thời triển khai niêm yết tại bảng niêm yết danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã và bảng thông báo tại Bộ phận TN&TKQ danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết. Ngoài ra, chỉ đạo cán bộ Đài truyền thanh của xã, công chức phụ trách lĩnh vực công nghệ thông tin, ban biên tập trang thông tin điện tử xã tăng cường công tác tuyên truyền về nhằm nâng cao nhận thức về cải cách hành chính cho toàn thể cán bộ, công chức và người dân.

## **II. Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính**

### **1. Cải cách thể chế**

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 14/01/2021 về xây dựng, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2021, Việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND xã được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo đúng quy trình, thủ tục theo quy định. Trong quý III, HĐND xã đã ban hành 02 văn bản quy phạm pháp luật đó là: Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2021 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2021 về nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội 6 tháng cuối năm 2021

Công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật tiếp tục được triển khai thực hiện nghiêm túc theo đúng tinh thần Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành VBQPPL, qua đó đã tiến hành kiểm tra, rà soát sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành nhưng có sai sót về thể thức.

Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 14/01/2021 về kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật trên năm 2021, UBND xã đã xây dựng báo cáo số 80/BC-UBND ngày 01/7/2021 về công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính 6 tháng đầu năm 2021.

Ngoài ra, để thực hiện việc thi hành, áp dụng pháp luật trên địa bàn, UBND xã đã thành lập Đoàn kiểm tra thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn xã năm 2021.

## **2. Cải cách thủ tục hành chính**

Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 25/01/2021 về kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021, và kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 22/01/2021 về rà soát, đánh giá các thủ tục hành chính năm 2021. Chỉ đạo Công chức văn phòng – thống kê xã thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy trình thủ tục theo quy định, thường xuyên kiểm tra, rà soát để đồng bộ, sửa đổi danh mục thủ tục hành chính, các quy trình, quy trình điện tử và sau khi có quyết định công bố danh mục TTHC. Trong quý III đã cập nhật, lập quy trình và niêm yết công khai tại bảng niêm yết, trên trang TTĐT xã 09 thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, trong đó 05 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết các sở, ban ngành cấp tỉnh, 04 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã.

Thường xuyên kiểm tra, chấn chỉnh việc thực hiện thủ tục hành chính tại ban ngành, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính cho công dân, tổ chức, doanh nghiệp. Thông qua các buổi giao ban tuần, hàng tháng của UBND xã kịp thời chấn chỉnh những trường hợp thực hiện không đúng quy định, nếu có; đồng thời, phát hiện những khó khăn, vướng mắc khi thực hiện thủ tục hành chính để kiến nghị giải pháp khắc phục kịp thời.

Tiếp tục thực hiện tốt Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/2/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 09/08/2018 của UBND tỉnh ban hành quy định về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh. UBND xã đã niêm yết công khai các thông tin về địa chỉ, email, số điện thoại của cơ quan tiếp nhận, xử lý phản ánh, khiếu nại tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã và trên trang thông tin điện tử của xã để tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính. Trong quý III, UBND xã không nhận được phản ánh nào liên quan đến quy định hành chính.

Thực hiện giải quyết thủ tục hành theo Quyết định 1462/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 của UBND tỉnh. Trong 6 tháng đầu năm (Từ ngày 06/6/2020 đến ngày 04/9/2021 tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của xã đã giải quyết TTHC 631 hồ sơ, trong đó có 618 hồ sơ giải quyết đúng hạn, 13 hồ sơ giải quyết quá hạn thuộc lĩnh vực tư pháp-chứng thực, cụ thể:

- + Lĩnh vực Tư pháp-Hộ tịch: 42 hồ sơ.
- + Lĩnh vực Tư pháp-Chứng thực: 542 hồ sơ
- + Lĩnh vực Lao động TB&XH: 47 hồ sơ.
- + Lĩnh vực TCD, KN,TC: 0 hồ sơ.

## **3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**

Nhằm triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị, kinh tế xã hội ở địa phương, trong quý III UBND xã đã tiến hành quyết định, thành lập, củng cố kiện toàn 31 ban chỉ đạo, Hội đồng, tổ chuyên môn, giúp việc.

Tiếp tục rà soát, quy định cụ thể và xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của các ban, ngành thuộc UBND xã để phân biệt rõ trách nhiệm quản lý, tránh chồng chéo, bỏ sót. Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp trong việc giải quyết công việc giữa các ban ngành với nhau, giải quyết tốt các mối quan hệ phối hợp trong thực hiện các chức năng, nhiệm vụ.

Việc sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức lãnh đạo quản lý và chuyên viên được cơ cấu hợp lý, phù hợp với vị trí việc làm đã được UBND huyện phê duyệt.

#### **4. Cải cách công vụ**

Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy đảm bảo hợp lý, khoa học, tinh gọn hoạt động có hiệu quả. Cải tiến phương thức quản lý, lề lối làm việc và nâng cao năng lực, chất lượng hoạt động của HĐND và UBND xã trong việc quyết định, ban hành những chính sách trong phạm vi được phân cấp, phát huy vai trò giám sát của HĐND xã. Chỉ đạo cán bộ, công chức tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, chấp hành nghiêm giờ giấc làm việc, văn hóa công sở, nâng cao chất lượng giải quyết công việc đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng. Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Tiếp tục đổi mới phương pháp, quản lý điều hành của UBND trên các lĩnh vực, các ban ngành và các thôn trên địa bàn xã.

#### **5. Cải cách tài chính công**

Thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước. Sau khi có nghị quyết của HĐND xã về phê chuẩn dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, ngày 20/01/2021 UBND xã đã ban hành Quyết định số 05/QĐ-UBND về việc công bố, công khai dự toán ngân sách xã năm. Thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và công khai việc quản lý, sử dụng tài chính và ngân sách tại các cơ quan, đơn vị.

#### **6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số**

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 31/12/2020 về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn xã năm 2021, việc ứng dụng công nghệ thông tin và phát huy vai trò của công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành được phát huy có hiệu quả; chỉ đạo tiếp tục duy trì hoạt động của hệ thống trang thông tin điện tử xã nhằm cung cấp thông tin, công khai các thủ tục hành chính; chỉ đạo các cán bộ,

công chức tăng cường sử dụng thư công vụ để trao đổi thông tin trong quá trình làm việc nhằm bảo mật tài liệu.

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 21/12/2020 về duy trì và cải tiến Hệ thống Quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại UBND xã Quảng Phú năm 2021; Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 về việc ban hành Mục tiêu chất lượng năm 2021 của Ủy ban nhân dân xã Quảng Phú. Hoạt động xem xét của lãnh đạo và hoạt động đánh giá nội bộ được thực hiện nghiêm túc. UBND xã đã ban hành Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 về việc thành lập đoàn đánh giá nội bộ thực hiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 tại UBND xã Quảng Phú và tổ chức thực hiện đánh giá nội bộ theo Thông báo số: 40/TB-UBND ngày 22/6/2021 về việc đánh giá nội bộ tại UBND xã Quảng Phú.

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các lĩnh vực liên quan thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã, UBND xã đã chỉ đạo các công chức liên quan tiến hành rà soát, bổ sung, cập nhật lại quy trình ISO đảm bảo theo đúng quy định, đồng thời ban hành Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại UBND xã Quảng Phú (công bố lần 04).

### **III. Những khó khăn, vướng mắc**

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác CCTTHC và kiểm soát TTHC vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc như sau:

- Thủ tục hành chính thay đổi liên tục làm cho tiến độ triển khai chậm và chưa đồng bộ, gây khó khăn trong công tác kiểm soát, rà soát, đánh giá TTHC, cập nhật quy trình ISO vào hệ thống.

- Công tác tuyên truyền về CCHC, về pháp luật chưa phong phú về nội dung, hình thức, chưa sâu rộng trong cán bộ và nhân dân.

### **IV. Phương hướng, nhiệm vụ Quý IV năm 2021**

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn xã, đẩy mạnh thực hiện Quyết định số 526/QĐ-UBND ngày 26/4/2017 Ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 20/7/2016 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, giai đoạn 2016-2020.

2. Nâng cao chất lượng hoạt động của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả xã, củng cố, kiện toàn tổ chức, hoạt động của Bộ phận tiếp nhận hiện đại của xã, theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ ngày 23/11/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày

23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa và công khai thủ tục hành chính ở tất cả các ngành, lĩnh vực đã được cấp có thẩm quyền công bố.

3. Tiếp tục đầu tư trang thiết bị, phương tiện làm việc hiện đại. Áp dụng công nghệ thông tin trong xử lý công việc, đảm bảo giải quyết công việc thông suốt, kịp thời. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào việc theo dõi, quản lý, giải quyết công việc liên quan đến tổ chức, công dân tại cơ quan, đơn vị. Tập trung thực hiện có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 tại UBND xã.

4. Tiếp tục duy trì, triển khai và thực hiện tốt cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ. Rà soát chức năng nhiệm vụ của cán bộ, công chức để có sự phân công trách nhiệm cụ thể trên từng lĩnh vực phụ trách.

5. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức trách nhiệm, trình độ, năng lực chuyên môn, thái độ ứng xử cho đội ngũ cán bộ, công chức.

6. Rà soát các chỉ tiêu cải cách hành chính để có sự điều hòa, đôn đốc thực hiện các chỉ tiêu chưa đạt, đảm bảo thực hiện hoàn thành nhiệm vụ được giao, góp phần nâng cao chỉ số cải cách hành chính của xã cuối năm 2021.

#### **V. Kiến nghị, đề xuất**

Kính đề nghị UBND tỉnh, UBND huyện và các cơ quan cấp trên mở thêm các lớp tập huấn về kiểm soát thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ, đồng thời mở rộng đối tượng tham gia tập huấn trong triển khai, đưa vào sử dụng các phần mềm phục vụ hoạt động nhằm đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong tình hình mới.

*Trên đây là báo cáo công tác cải cách hành chính Quý III và phương hướng nhiệm vụ Quý IV năm 2021 của UBND xã, đề nghị các cán bộ, công chức của xã căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ CCHC của xã trong thời gian tới./.*

#### **Nơi nhận:**

- Phòng nội vụ;
- TT. Đảng ủy, HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Văn Lợi**



**Phụ lục**  
**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**  
*(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày 06/9/2021 của UBND xã Quảng Phú)*

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Công tác chỉ đạo điều hành CCHC</b>			
1.1.	Kế hoạch CCHC			Các nhiệm vụ giao trong Kế hoạch CCHC của UBND huyện và các nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch CCHC của cơ quan, đơn vị, địa phương
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	17	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	17	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	27	
1.2.	Kiểm tra CCHC			
1.1.1.	Ban hành Kế hoạch tự kiểm tra việc thực hiện công tác CCHC		1	
1.1.2.	Đảng ủy/HĐND xã/UBMTTQ Việt Nam xã/Các đoàn thể chính trị - xã hội cấp xã ban hành kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác CCHC của UBND xã	Cơ quan, đơn vị	1	



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.1.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	chưa kiểm tra	
1.1.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	chưa kiểm tra	
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao			Trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của UBND tỉnh hoặc các ý kiến chỉ đạo giao cho UBND huyện thực hiện, trên cơ sở đó UBND huyện giao lại cho cơ quan, đơn vị, địa phương nào chủ trì thì cơ quan, đơn vị, địa phương đó có trách nhiệm tổng hợp khi báo cáo
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.4.	<b>Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức</b>			
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát		631	
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
		Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	
1.6.	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) thuộc thẩm quyền giải quyết của cá nhân, tổ chức		0	
1.6.1	Số PAKN đã giải quyết	Số PAKN: 0	0	
1.6.2	Số PAKN chưa giải quyết		0	
1.7	Kế hoạch tuyên truyền CCHC		1	
1.7.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	10	
1.7.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	07	
1.7.3	Các hình thức tuyên truyền đã thực hiện	Hình thức	03	
<b>2.</b>	<b>Cải cách thể chế</b>			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	02	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	02	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	02	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	02	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	02	
2.6.	Xây dựng kế hoạch, báo cáo công tác theo dõi thi hành pháp luật (THPL) và xử lý kết quả theo dõi THPL	Văn bản	02	
2.7.	Thực hiện các hoạt động về theo dõi THPL ( <i>Thu thập thông tin về tình hình THPL; Kiểm tra tình hình THPL; Điều tra, khảo sát tình hình THPL</i> )	Văn bản	01	
<b>3.</b>	<b>Cải cách thủ tục hành chính</b>			
3.1.	Công khai TTHC và công khai tiến độ giải quyết hồ sơ			
3.1.1	Số lượng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp được công khai trên Trang thông tin điện tử		636	
3.1.2	Số lượng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị được công khai trên Trang thông tin điện tử và Bảng niêm yết tại Trụ sở		222	
3.1.3	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Trang TTĐT của UBND cấp xã		03	Áp dụng đối với cấp xã
3.2.	Thống kê TTHC			Căn cứ theo Quyết định công bố của UBND tỉnh; chỉ thống kê theo cấp quản lý
3.2.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
3.2.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục		
Trong đó	Số TTHC cấp tỉnh:	Thủ tục		
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục		
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	222	
3.3.	Vận hành Cổng dịch vụ công			Căn cứ theo Quyết định công bố của UBND tỉnh; chỉ thống kê theo cấp quản lý
3.3.1.	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục		
3.3.2.	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục		
3.4.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			Căn cứ theo Quyết định công bố của UBND tỉnh; chỉ thống kê theo cấp quản lý
3.4.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
3.4.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	76	
3.4.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%		
3.4.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử	%	222/222	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	hóa		(100%)	
3.5.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.5.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.5.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.5.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	100%	618/631 (97,94%)	
3.5.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%		
3.5.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%	0/0 (100%)	
3.5.6.	Hồ sơ áp dụng chữ ký số trong các văn bản thông báo, gia hạn, xác minh hồ sơ, xin lỗi, trả kết quả giải quyết TTHC trên phần mềm/Tổng số Hồ sơ cần thông báo, gia hạn, xác minh hồ sơ, xin lỗi, trả kết quả giải quyết TTHC		00	
3.6.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.6.1.	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	222	
3.6.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	143	
3.6.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến	Thủ tục	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.6.4.	Số TTHC đã đồng bộ, cấu hình quy trình giải quyết	Thủ tục	222	
3.6.5.	Hồ sơ TTHC được số hóa vào phần mềm (đảm bảo cả đầu vào và đầu ra)		243	
<b>4.</b>	<b>Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước</b>			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số cơ quan chuyên môn cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		
4.1.2.	Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		
4.1.3.	Số tổ chức liên ngành do cấp huyện thành lập	Cơ quan, đơn vị		
4.1.4.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện	Cơ quan, đơn vị		
Trong đó	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		
	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người		
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người		
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người		
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người		
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		
<b>5.</b>	<b>Cải cách chế độ công vụ</b>			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người		
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người		
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0		
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người		
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).			
5.4.1.	Số lãnh đạo UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện bị kỷ luật.	Người		
5.4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>6.</b>	<b>Cải cách tài chính công</b>			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
<b>7.</b>	<b>Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số</b>			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	1	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
7.4.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.	Đơn vị	01	
7.5.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.6.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.6.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
Trong đó	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%		
7.6.2.	Tổng số văn bản đi giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản	523	
Trong	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện	100%	523	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
đo	<i>tr</i> ).			
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	100	
7.7.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.7.1.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.7.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	01	
7.8.	Dịch vụ công trực tuyến			
7.8.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC		
7.8.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC		
7.8.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%		
7.8.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%		